TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCOT22
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2016-2017

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CK57_Chi tiết máy 2 (2)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC2CK41_Kỹ thuật điện - điện tử (4)		DC2CK48_Nhiệt kỹ thuật (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC3OT33_Tiếng Anh 3 (3)		DC2CK32_Vật liệu cơ khí (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		2,010,000
1	65DCOT22086	Nguyễn Sỹ	Chiến	09/06/1995	5.4	D+	5.0	D+	0.0	F	1.5	F					1.6	F	2	30,000
2	65DCOT21085	Phạm Văn	Chiến	20/05/1996	6.1	C+	7.6	B	5.3	D+	6.1	C+	6.5	C+	5.8	C	4.3	D		
3	65DCOT21026	Nguyễn Mạnh	Cường	31/12/1995	8.8	A	8.3	B+	7.1	B	6.3	C+	6.8	C+	7.3	B	5.9	C		
4	65DCOT21039	Lê Văn	Dũng	15/04/1996	6.3	C+	7.0	B	8.6	A	7.5	B			5.9	C	6.6	C+		
5	65DCOT21123	Trương Ngọc	Dũng	09/07/1996	5.7	C	1.5	F	4.6	D	2.4	F			6.9	C+	4.0	D	2	30,000
6	65DCOT21046	Đào Sỹ	Duy	20/02/1996	4.1	D	5.7	C	0.0	F	2.4	F	2.3	F	3.5	F	2.5	F	4	60,000
7	65DCOT23875	Nguyễn Đoàn Thái	Duy	13/11/1996	6.8	C+	2.7	F	5.3	D+	2.3	F	8.6	A	6.8	C+	2.7	F	3	45,000
8	65DCOT21043	Nguyễn Khương	Duy	18/08/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F			0.7	F	1	15,000
9	65DCOT22835	Bùi Hồng	Dương	13/09/1995	5.9	C	2.7	F	2.2	F	2.1	F	3.9	F	5.8	C	2.7	F	5	75,000
10	65DCOT21095	Hà Đức	Dương	12/09/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.7	F	2.0	F			1.5	F	3	45,000
11	65DCOT21055	Phan Khắc	Dương	06/10/1996	1.3	F	1.5	F	0.0	F	2.3	F	2.3	F			1.5	F	5	75,000
12	65DCOT21019	Nguyễn Viết	Đại	11/08/1996	4.8	D	7.3	B	3.6	F	4.9	D			5.8	C	6.4	C+	1	15,000
13	65DCOT21080	Phạm Văn	Đại	19/10/1995	5.2	D+	1.5	F	0.0	F	2.1	F	5.5	C	1.7	F	2.5	F	4	60,000
14	65DCOT21084	Lê Văn	Định	26/08/1996	6.4	C+	6.0	C+	3.3	F	2.8	F			6.4	C+	3.4	F	3	45,000
15	65DCOT22105	Hà Minh	Đức	25/11/1996	5.9	C	2.4	F	2.9	F	2.6	F			5.4	D+	3.5	F	4	60,000
16	65DCOT21096	Nguyễn Văn	Hải	02/06/1996	1.5	F	5.7	C	2.1	F	2.2	F	5.3	D+	6.3	C+	6.6	C+	3	45,000
17	65DCOT21115	Phạm Thanh	Hải	22/01/1996	8.5	A	6.2	C+	4.0	D	4.0	D			5.7	C	5.2	D+		
18	65DCOT21049	Đặng Huy	Hảo	30/08/1996	8.2	B+	8.3	B+	5.4	D+	8.2	B+			8.8	A	7.2	B		
19	65DCOT21769	Nguyễn Minh	Hiền	13/01/1996	4.4	D	1.5	F	4.5	D	7.9	B			8.7	A	4.7	D	1	15,000
20	65DCOT21015	Dương Trung	Hiển	04/07/1996	4.3	D	1.8	F	3.5	F	3.3	F	7.2	B	6.5	C+	5.5	C	3	45,000
21	65DCOT21067	Trần Quang	Hiệp	20/06/1996	6.4	C+	5.0	D+	5.6	C	1.7	F	6.9	C+	1.4	F	5.1	D+	2	30,000
22	65DCOT21041	Đỗ Trọng	Hiếu	19/09/1996	8.1	B+	8.7	A	5.1	D+	6.8	C+	6.1	C+	8.3	B+	8.6	A		
23	65DCOT21785	Vũ Huy	Hoàng	28/04/1996	4.9	D	0.0	F	5.9	C	3.1	F			7.1	B	2.0	F	2	30,000
24	65DCOT21069	Nguyễn Quang	Huy	20/05/1995	2.8	F	6.3	C+	5.4	D+	2.3	F	6.1	C+	5.0	D+	4.7	D	2	30,000
25	65DCOT21037	Nguyễn Duy	Hưng	22/08/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	5.8	C					2.8	F	1	15,000
26	65DCOT21040	Nguyễn Hữu	Hưng	20/11/1996	1.3	F	1.5	F	0.0	F	1.3	F	4.6	D	4.9	D	3.4	F	4	60,000
27	65DCOT21021	Bùi Công	Hướng	22/06/1996	3.9	F	2.1	F	5.0	D+	4.0	D	2.2	F	6.2	C+	3.1	F	4	60,000
28	65DCOT21097	Trần Ngọc	Khánh	20/11/1996	1.3	F	1.5	F	2.8	F	0.9	F	1.9	F	6.8	C+	2.5	F	6	90,000
29	65DCOT21100	Trần Đăng	Khoa	02/08/1996	2.0	F	1.5	F	4.0	D	4.3	D	5.3	D+	6.7	C+	2.0	F	3	45,000
30	65DCOT21091	Phạm Văn	Lâm	14/06/1996	5.4	D+	2.1	F	0.4	F	1.9	F	5.5	C			2.9	F	4	60,000
31	65DCOT21087	Trần Văn	Luân	07/10/1996	5.3	D+	6.3	C+	4.4	D	4.6	D	4.7	D	6.5	C+	2.7	F	1	15,000

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CK57_Chi tiết máy 2 (2)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC2CK41_Kỹ thuật điện - điện tử (4)		DC2CK48_Nhiệt kỹ thuật (3)		DC1LL02_Những nguyên lý cơ bản của CN Mác -		DC3OT33_Tiếng Anh 3 (3)		DC2CK32_Vật liệu cơ khí (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		2,010,000
32	65DCOT21031	Phạm Tiến	Lực	08/10/1996	6.1	C+	7.6	B	6.3	C+	6.1	C+			4.0	D	3.1	F	1	15,000
33	65DCOT21782	Nguyễn Hùng	Mạnh	25/10/1995	5.5	C	5.4	D+	4.0	D	1.7	F	4.9	D	1.7	F	2.6	F	3	45,000
34	65DCOT20600	Nguyễn Hữu	Mạnh	24/08/1996	2.3	F	2.1	F	4.6	D	6.1	C+			6.5	C+	4.1	D	2	30,000
35	65DCOT21010	Nguyễn Quý	Minh	09/06/1996	6.8	C+	7.0	B	2.5	F	2.4	F	2.2	F	3.8	F	3.8	F	5	75,000
36	65DCOT22111	Tô Văn	Minh	19/06/1996	6.4	C+	7.0	B	4.2	D	4.3	D	5.0	D+	5.4	D+	3.3	F	1	15,000
37	65DCOT21034	Phạm Phương	Nam	10/09/1996	2.7	F	5.7	C	2.1	F	1.9	F	4.7	D	5.0	D+	2.7	F	4	60,000
38	65DCOT22738	Đỗ Trọng	Nguyên	31/08/1996	5.7	C	2.4	F	4.3	D	4.0	D	5.1	D+	4.7	D	4.0	D	1	15,000
39	65DCOT21090	Trần Quang	Phát	16/12/1996	2.4	F	1.5	F	3.1	F	1.8	F	4.3	D	5.4	D+	1.6	F	5	75,000
40	65DCOT22740	Nguyễn Hải	Phong	26/09/1995	1.3	F	1.5	F	4.3	D	3.1	F			4.6	D	2.0	F	4	60,000
41	65DCOT21050	Nguyễn Bá	Phú	03/08/1996	6.5	C+	1.8	F	4.3	D	4.3	D			3.9	F	5.2	D+	2	30,000
42	65DCOT21013	Hoàng Minh	Quang	21/01/1996	7.2	B	6.0	C+	7.7	B	8.2	B+	5.5	C	7.6	B	5.1	D+		
43	65DCOT21114	Trần Anh	Quang	16/12/1996	1.7	F	1.5	F	2.4	F	1.7	F	6.4	C+	4.0	D	2.0	F	5	75,000
44	65DCOT21103	Đặng Hồng	Quân	13/02/1995	5.7	C	6.6	C+	5.8	C	7.7	B	6.4	C+	5.5	C	4.9	D		
45	65DCOT21022	Đặng Mạnh	Quyết	15/04/1996	6.1	C+	2.7	F	5.3	D+	5.5	C			5.7	C	4.9	D	1	15,000
46	65DCOT21016	Lưu Văn	Quyết	05/12/1996	6.9	C+	7.6	B	5.1	D+	3.8	F			6.8	C+	2.9	F	2	30,000
47	65DCOT21063	Vũ Trọng	Song	11/10/1996	1.3	F	1.5	F	0.0	F	1.7	F	4.4	D	5.3	D+	3.3	F	4	60,000
48	65DCOT21033	Nguyễn Hồng	Sơn	23/10/1996	7.0	B	7.0	B	3.6	F	5.6	C			4.1	D	4.8	D	1	15,000
49	65DCOT21128	Nguyễn Trí	Thành	10/10/1996	5.2	D+	6.4	C+	0.0	F	4.7	D	7.8	B	4.7	D	4.0	D		
50	65DCOT21061	Triệu Quang	Thắng	24/09/1996	0.0	F	1.5	F	3.3	F	4.4	D			5.0	D+	5.0	D+	2	30,000
51	65DCOT21052	Đinh Công	Thọ	24/07/1996	5.4	D+	6.3	C+	3.6	F	5.1	D+			4.4	D	5.0	D+	1	15,000
52	65DCOT21746	Nguyễn Văn	Tiền	14/12/1996	6.1	C+	1.5	F	4.5	D	2.3	F	5.0	D+	1.6	F	2.0	F	4	60,000
53	65DCOT21126	Bùi Văn	Tuân	25/03/1996	1.0	F	0.0	F	4.0	D	6.8	C+	6.7	C+	4.5	D	3.1	F	2	30,000
54	65DCOT21760	Nguyễn Thanh	Tùng	22/08/1996	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F			0.0	F		
55	65DCOT21110	Đinh Văn	Tuyến	03/02/1996	6.0	C+	6.3	C+	5.3	D+	4.0	D			3.8	F	4.5	D	1	15,000
56	65DCOT21098	Nguyễn Viết	Văn	31/08/1996	6.1	C+	6.4	C+	0.0	F	1.9	F					5.2	D+	1	15,000
57	65DCOT21108	Bùi Văn	Vương	29/11/1996	6.8	C+	6.9	C+	5.6	C	7.0	B	6.4	C+	6.5	C+	5.4	D+		
58	65DCOT21011	Nguyễn Tuấn	Vương	13/11/1996	4.0	D	2.1	F	6.2	C+	5.6	C	5.5	C	8.1	B+	3.7	F	2	30,000
59	65DCOT21070	Nguyễn Văn	Vương	19/05/1996	4.1	D	1.5	F	3.8	F	5.7	C	4.6	D	3.7	F	1.8	F	4	60,000
60	65DCOT22110	Nguyễn Công	Vượng	19/08/1996	3.1	F	1.8	F	3.7	F	6.9	C+	6.0	C+	5.7	C	4.2	D	3	45,000